

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1792/GDDT-VP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Về góp ý Đề án xã hội hóa ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020; tầm nhìn đến năm 2030.

Kg: Phòng TCHCTH gửi các đơn vị
góp ý về phương tổng hợp

TRƯỜNG CĐKT LÝ TỰ TRỌNG	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 356
	Ngày: 25/5/17
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo các Quận, Huyện;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông;
- Giám đốc các Trung tâm Giáo dục Thường xuyên;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Thành Phòng tại Thông báo 341/TB-VP ngày 8 tháng 5 năm 2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về Đề án “Xã hội hóa ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2020-Tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó có giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành lấy ý kiến góp ý của các Ban ngành và đoàn thể liên quan. Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tổ chức lấy ý kiến của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đơn vị về nội dung dự thảo Đề án “Xã hội hóa ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2020 - Tầm nhìn đến năm 2030”. (đính kèm dự thảo).

Ý kiến đóng góp vui lòng gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Kế hoạch – Tài chính) **trước ngày 05 tháng 6 năm 2017.**

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Lê Hoài Nam;
- P.KHTC, VPS;
- Lưu: VPS.

GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP. HỒ CHÍ MINH
Lê Hồng Sơn



Số: _____

/

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

**ĐỀ ÁN
XÃ HỘI HÓA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2017-2020
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

----oOo----

Phần mở đầu

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Chủ trương Xã hội hóa giáo dục và đào tạo đã được Đảng ta đề ra từ những năm cuối thập kỷ 80, từ Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII đã xác định: “giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân...Mọi người chăm lo cho giáo dục. Các cấp ủy và tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội, các gia đình và cá nhân đều có trách nhiệm góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đóng góp trí lực, nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục và đào tạo. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nhấn mạnh: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời”.

Luật Giáo dục năm 2005 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Điều 12 về nội dung xã hội hóa giáo dục nêu rõ: “Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường và các hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục. Mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn”.

Từ khi có Nghị quyết 05/2005/NQ-CP của Chính phủ, công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng. Ngân sách Nhà nước chi cho giáo dục hằng năm đều tăng. Bên cạnh sự đầu tư của Nhà nước là chính, ngành giáo

dục và đào tạo còn nhận được sự đầu tư, hỗ trợ về các mặt từ các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân trong và ngoài nước. Sự hỗ trợ đó góp phần tích cực, có hiệu quả vào việc xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, mua sắm các phương tiện dạy học hiện đại phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn....

Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU ngày 21/6/2015 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nhà nước phải chăm lo tốt nhất cho sự nghiệp giáo dục, vì thế, cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất mở mang trường lớp, xác định mục tiêu phát triển, xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, chuẩn bị đội ngũ giáo viên, sách giáo khoa, Nhà nước còn phải huy động mọi lực lượng, mọi tiềm năng của xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục. Toàn dân và toàn xã hội tự nguyện tham gia xây dựng trường lớp, tham gia chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ với mọi khả năng của mình.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện xã hội hóa giáo dục đã bộc lộ những mặt hạn chế, bất cập, Nhà nước chưa xây dựng được những chiến lược dài hạn nhằm giải quyết những vấn đề cốt lõi, lâu dài và có sự đồng thuận của xã hội về xã hội hóa giáo dục. Cũng chính vì vậy, mặc dù các biện pháp huy động xã hội hóa giáo dục đa dạng, phong phú nhưng vẫn mang tính “tình thế”. Cho đến nay, công tác xã hội hóa giáo dục còn gặp khó khăn và vướng mắc một phần là do chưa có một môi trường cơ chế phù hợp và các biện pháp hỗ trợ để định hướng, dẫn dắt và khuyến khích xã hội tham gia sâu rộng hơn nữa vào sự nghiệp giáo dục.

Những năm qua, thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa phương đã triển khai các hoạt động xã hội hóa giáo dục sôi động nhất trong cả nước. Từ thực tế triển khai các hoạt động xã hội hóa giáo dục tại các địa bàn của thành phố cho thấy rằng xã hội hóa giáo dục đã góp phần đáng kể vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục của thành phố, tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt hơn cho người dân. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức đòi hỏi thành phố phải có những giải pháp phù hợp để việc thực hiện xã hội hóa giáo dục đạt được hiệu quả cao. Để tiếp tục phát huy những thành tựu của xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi hơn và góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cần có những định hướng chiến lược và giải pháp cho xã hội hóa giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh.

II. Căn cứ pháp lý

Nghị định số: 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Nghị định số: 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Chương trình số: 59/CTr-TU ngày 30/6/2010 của Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về Chương trình hành động thực hiện Thông báo kết luận số 242-TB/TW của Bộ Chính trị;

Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến 2020;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh khóa X;

Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 36-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện NQ số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến 2020;

Nội dung đề án gồm 4 phần chính:

Phần thứ nhất: Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục

Phần thứ hai : Quan điểm và mục tiêu thực hiện xã hội hoá giáo dục

Phần thứ ba : Các giải pháp thực hiện xã hội hoá giáo dục

Phần thứ tư : Tổ chức thực hiện

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục

I. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và giáo dục của thành phố Hồ Chí Minh

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương, diện tích tự nhiên 2.095,01 km², có 322 phường, xã (259 phường, 63 xã), 24 quận, huyện. Về ranh giới hành chính, thành phố Hồ Chí Minh giáp ranh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Tây Ninh. Là một tỉnh, thành thuộc vùng Đông Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh), Vùng kinh tế trọng điểm phía nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang).

Dân số trung bình của thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 là 8.431,11 (trong đó nông thôn chiếm 1.581,4), tốc độ người nhập cư vào thành phố tăng nhanh; ngoài dân tộc Kinh còn có dân tộc Hoa với hơn 500.000 người, ...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm 2016 đạt 8.05% và GDP bình quân đầu người theo giá thực tế năm 2016 là 5.217 USD.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hóa - khoa học - kỹ thuật - kinh tế của Vùng và cả nước, là đầu mối giao lưu với khu vực và thế giới, là nơi có tiềm lực mạnh làm động lực cho sự phát triển của vùng Đông Nam bộ và khu vực phía Nam. Kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố Hồ Chí Minh tương đối phát triển, cơ sở kỹ thuật hạ tầng, giao thông đường thủy, đường bộ, đường hàng không phát triển so với các khu vực khác trong cả nước.

Giáo dục đã phát triển về cả qui mô số lượng và chất lượng, nâng cao trình độ dân trí và dân sinh, góp phần tạo nguồn lực phát triển xã hội. Cụ thể là hệ thống trường lớp phát triển mạnh từ nội thành đến ngoại thành, vùng sâu vùng xa của Thành phố, đáp ứng được yêu cầu học tập của con em nhân dân mỗi lúc một cao hơn, công tác phổ cập giáo dục được duy trì ổn định và phát triển, đội ngũ nhà giáo lớn mạnh, đảm bảo về số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học ngày một cao hơn. Mức độ chuẩn hóa nhà trường và trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn mới từng bước được xây dựng, củng cố và sử dụng hiệu quả. Các chương trình giáo dục phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương như tin học, ngoại ngữ đã được chủ động xây dựng và phát triển tốt; chất lượng đào tạo của nhà trường đã có sự tiến bộ rõ rệt, số lượng học sinh năng động, bản lĩnh, sớm hòa nhập được với cuộc sống văn minh tiến bộ ngày càng nhiều.

Nhiều vùng đô thị hóa, nhiều Khu công nghiệp, Khu chế xuất đã hình thành và hoạt động dẫn đến tình trạng dân số cơ học tăng nhanh, tốc độ phát triển không đồng

đều; hạ tầng cơ sở kỹ thuật và mức sống còn thấp ở ngoại thành, vùng ven; một số vùng đang đô thị hóa và phát triển công nghiệp đã có tác động đến cơ cấu kinh tế - xã hội của Thành phố. Do tác động của kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ nét, càng đòi hỏi nhiều chính sách xã hội phù hợp.

Trong những năm gần đây, Thành phố đã trở thành trọng điểm kinh tế - văn hóa - xã hội cả nước, nền kinh tế là dịch vụ - thương mại - công nghiệp - nông nghiệp, là trung tâm tài chính cả nước. Trong công nghiệp, Thành phố phát triển công nghiệp điện - điện tử, hóa chất, dệt may, da giày, chế biến thực phẩm. Vì vậy, Thành phố thu hút một nguồn nhân lực rất lớn có kỹ thuật, có tay nghề, một bộ phận phải có trình độ tin học, ngoại ngữ. Nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự phát triển Thành phố rất lớn và cấp bách.

2. Tình hình giáo dục của thành phố Hồ Chí Minh

Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh hiện có trên 102.000 Cán bộ, giáo viên, công nhân viên và trên 1,7 triệu học sinh các cấp học từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT đến giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục thường xuyên. Giáo dục và Đào tạo có quy mô lớn với những điều kiện thuận lợi và khó khăn của một thành phố năng động, phong phú, có nhiều áp lực về chất lượng cao theo yêu cầu phát triển của xã hội. Ngành Giáo dục - Đào tạo của thành phố tiếp tục phát triển về quy mô, chất lượng và cơ chế hoạt động của nhà trường.

Thành phố tiếp tục duy trì có hiệu quả chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập bậc trung học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Tiếp tục triển khai sâu rộng và có chất lượng việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” từ giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, đến giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục thường xuyên; hạn chế đến mức tối đa những sai trái trong quan hệ thầy với trò, trò với trò tạo mối quan hệ thân thiện, kích thích sự hứng thú học tập và từng bước nâng cao chất lượng văn hóa học đường.

Toàn ngành đã đổi mới mạnh mẽ quan điểm dạy học từ “dạy số đông” sang “dạy cá thể” nhằm hiện đại hóa nhà trường từ nhận thức đến hành động, đang từng bước triển khai rộng trên cơ sở những điển hình tích cực. Hoạt động dạy học của giáo viên chăm sóc đến từng học sinh, trong đó chú trọng quan tâm đến đối tượng học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu bước đầu có tác động thuyết phục, ảnh hưởng tốt trong nhà trường và ngoài xã hội.

Công tác quản lý của ngành được đổi mới tích cực, hiệu quả theo hướng “mục tiêu” thay cho các tư duy “thủ tục” đã thúc đẩy toàn ngành phát triển mạnh và đáp ứng kịp thời những yêu cầu xã hội trong điều kiện nhà trường vẫn còn không ít khó khăn về đầu tư và cơ chế hoạt động.

Xã hội hóa giáo dục tại Thành phố được tổ chức thực hiện trên cả hai mặt về mục tiêu và biện pháp tổ chức giáo dục; về mặt mục tiêu, nhà trường đã tích cực đào tạo theo yêu cầu xã hội, mở rộng cửa trường đưa học sinh tiếp cận với thực tế địa phương.

II. Thực trạng giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh

1.Trường, lớp

Mạng lưới trường lớp ở các ngành học, bậc học đã được phủ khắp 322 phường (xã), 24 quận huyện trên toàn địa bàn thành phố với quy mô phát triển ngày một tăng.

1.1. Trường (phụ lục 1)

Tính đến năm học 2016-2017, toàn Thành phố có 2.168 cơ sở giáo dục - đào tạo (chưa kể số nhóm trẻ gia đình, lớp mẫu giáo độc lập). Trong đó: Công lập 1.360 đơn vị; Ngoài công lập 808 đơn vị. Cụ thể:

- Mầm non: 1.100 (Công lập - 450; Ngoài công lập - 650);
- Tiểu học : 493 (Công lập - 474; Ngoài công lập - 19);
- THCS : 270 (Công lập - 263; Ngoài công lập - 7);
- THPT : 187 (Công lập - 105; Ngoài công lập - 82);
- Giáo dục Chuyên biệt: 24 (Công lập - 20; Ngoài công lập - 04);
- Giáo dục Thường xuyên: 30 (Công lập - 30; Ngoài công lập - 00);
- Giáo dục CN & ĐH: 64 (Công lập - 18; Ngoài công lập - 46);

1.2. Lớp (phụ lục 2)

Toàn Thành phố có 43.470 lớp từ mầm non đến Trung học phổ thông. Trong đó: Công lập 32.431; Ngoài công lập 11.039 lớp. Cụ thể:

- Mầm non: 13.404 (Công lập - 4.772; Ngoài công lập - 8.632);
- Tiểu học : 14.682 (Công lập - 14.010; Ngoài công lập - 672);
- THCS : 9.652 (Công lập - 9.013; Ngoài công lập - 639);
- THPT : 5.192 (Công lập - 4.096; Ngoài công lập - 1.096);
- Giáo dục Thường xuyên: 540 (Công lập - 540; Ngoài công lập - 00);

2. Học sinh (phụ lục 3)

Học sinh, sinh viên toàn Thành phố hiện có 1.761.172 . Cụ thể:

- Mầm non: 366.288 (Công lập - 172.808; Ngoài công lập - 193.480);
- Tiểu học : 578.784(Công lập - 566.434; Ngoài công lập - 12.350);
- THCS : 400.502(Công lập - 385.841; Ngoài công lập - 14.661);

- THPT : 204.506 (Công lập - 170.797; Ngoài công lập - 33.709);
- Giáo dục Chuyên biệt: 2.320 (Công lập - 2.231; Ngoài công lập - 89);
- Giáo dục Thường xuyên: 20.093 (Công lập - 20.093; Ngoài công lập - 00);
- Giáo dục CN & ĐH: 188.679 (Công lập - 57.303; Ngoài công lập - 131.376);
- Tỷ lệ học sinh không có hộ khẩu Thành phố: Mầm non - 25,52%; Tiểu học - 21,51%; THCS - 14,66%; THPT - 12,5%.

3. Đội ngũ giáo viên (phụ lục 4)

Toàn Thành phố có **83.517** giáo viên. Trong đó: Công lập **57.181**; Ngoài công lập **26.336**. Cụ thể:

- Mầm non: **22.886** (Công lập - 9.816; Ngoài công lập - 13.070);
- Tiểu học : **20.165** (Công lập - 18.955; Ngoài công lập - 1.210);
- THCS : 17.548 (Công lập - 15.960; Ngoài công lập - 1.588);
- THPT : 12.371 (Công lập - 8.915; Ngoài công lập - 3.456);
- Giáo dục Chuyên biệt: 417 (Công lập - 405; Ngoài công lập - 12);
- Giáo dục Thường xuyên: 984 (Công lập - 984; Ngoài công lập - 00);
- Giáo dục CN & ĐH: 9.146 (Công lập - 2.146; Ngoài công lập - 7.000);

4/ Phòng học (phụ lục 5)

Toàn Thành phố có 46.053 phòng học thông thường từ mầm non đến Trung học phổ thông, Giáo dục Chuyên biệt. Cụ thể:

- Mầm non: 13.962 (Công lập - 4.973; Ngoài công lập - 8.989);
- Tiểu học : 13.592 (Công lập - 12.685; Ngoài công lập - 907);
- THCS : 8.598 (Công lập - 7.853; Ngoài công lập - 745);
- THPT : 5.301 (Công lập - 3.820; Ngoài công lập - 1.481);
- Giáo dục Thường xuyên: 642 (Công lập - 642; Ngoài công lập - 00);
- Giáo dục Chuyên biệt: 284 (Công lập - 274; Ngoài công lập - 10);
- Giáo dục Chuyên nghiệp và Đại học: 3.674 (Công lập - 1.052; Ngoài công lập - 2.622)

❖ Hiện thành phố có 21 trường phổ thông có yếu tố nước ngoài với 1.345 giáo viên, 10.799 học sinh (trong đó có 5.080 học sinh Việt Nam) hầu hết dạy chương trình quốc tế, đối với học sinh Việt Nam có dạy thêm môn Việt Nam học hoặc Lịch sử, Địa lý theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định.

Các trường phổ thông có yếu tố nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường học tập tốt cho con, em người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở

nước ngoài đến Việt Nam công tác hoặc kinh doanh, góp phần thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, góp phần vào sự phát triển của thành phố bằng cách cung cấp giáo dục quốc tế cho con em người nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam. Ngoài ra, việc thực hiện các chương trình quốc tế có uy tín và được công nhận trên toàn thế giới đã ngày càng thu hút học sinh người Việt Nam. Học tập tại các trường quốc tế sẽ tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận với nền giáo dục của thế giới và tạo điều kiện cho các em tiếp tục học tập tại các trường Đại học ở nước ngoài một cách dễ dàng hơn.

Bên cạnh các trường quốc tế, các trường ngoài công lập cũng góp phần quan trọng trong sự phát triển của giáo dục và đào tạo thành phố. Nhiều chương trình, phương pháp giảng dạy và học tập, mô hình tiên tiến đã được áp dụng tại các đơn vị.

III. Thực trạng công tác xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh

1. Nhận thức về xã hội hóa giáo dục

- Quan điểm về huy động có hiệu quả mọi nguồn lực xã hội cho giáo dục và đào tạo đã được Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII nêu ra trong Nghị quyết 4 ngày 14 tháng 1 năm 1993 về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, quan điểm chỉ đạo là phải huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của Nhà nước; đa dạng hóa các hình thức đào tạo... Trước xu hướng của quan điểm về xã hội hóa giáo dục như vậy, trong Hội nghị nhân điển hình về xã hội hóa giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 năm 1993 (quận Gò Vấp, Quận 10) Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban tư tưởng văn hóa Nguyễn Đình Tứ đã kết luận “Xã hội hóa giáo dục không chỉ huy động nguồn lực chăm lo cho nhà trường về mặt vật chất mà còn phải chú ý đến khả năng huy động về nhân lực, về tinh thần. Đặc biệt, xã hội hóa không chỉ về biện pháp mà phải xã hội hóa cả về mục tiêu giáo dục”. Đây là tư tưởng quan trọng định hướng hoạt động xã hội hóa giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết 90 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa (Đã được Chính phủ thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 3 năm 1997) đã cụ thể hóa nội dung xã hội hóa giáo dục và đào tạo:

- Xã hội hoá các hoạt động giáo dục và đào tạo là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục và đào tạo của nhân dân.

- Xã hội hoá giáo dục và đào tạo là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế, xã hội lành mạnh và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Xã hội hoá và đa dạng hoá các hình thức hoạt động giáo dục và đào tạo có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Bên cạnh việc củng cố các tổ chức của Nhà nước, cần phát triển rộng rãi các hình thức hoạt động do các tập thể hoặc các cá nhân tiến hành trong khuôn khổ chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đa dạng hoá

chính là mở rộng các cơ hội cho các tầng lớp nhân dân tham gia chủ động và bình đẳng vào các hoạt động trên.

- Xã hội hoá giáo dục và đào tạo là mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội. Phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhân dân, tạo điều kiện cho các hoạt động giáo dục và đào tạo phát triển nhanh hơn, có chất lượng cao hơn.

- Xã hội hoá giáo dục và đào tạo không có nghĩa là giảm nhẹ trách nhiệm của Nhà nước, giảm bớt phần ngân sách nhà nước; trái lại, Nhà nước thường xuyên tìm thêm các nguồn thu để tăng tỷ lệ ngân sách chi cho các hoạt động này, đồng thời quản lý tốt để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí đó.

- Để thống nhất hơn nữa về nhận thức và chủ trương, có cơ chế, chính sách cụ thể, có giải pháp và bước đi thích hợp, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 05/2005/NQ-CP về đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và đào tạo. *Theo đó, thực hiện xã hội hoá giáo dục và đào tạo nhằm hai mục tiêu lớn: thứ nhất là phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục và đào tạo; thứ hai là tạo điều kiện để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được thụ hưởng thành quả giáo dục và đào tạo ở mức độ ngày càng cao.*

- Nhà nước tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh việc hoàn thiện chính sách; tăng nguồn lực đầu tư, đồng thời đổi mới mục tiêu, phương thức, cơ cấu và nguồn vốn đầu tư; tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục và đào tạo; hỗ trợ các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người; ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo trên cơ sở đổi mới chế độ miễn, giảm phí theo hướng công khai, hợp lý và cấp trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

- Chuyển các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ cung ứng dịch vụ công ích không bao cấp tràn lan và không nhằm lợi nhuận: có đầy đủ quyền tự chủ về tổ chức và quản lý; thực hiện đúng mục tiêu và nhiệm vụ; hạch toán đầy đủ chi phí, cân đối thu chi...; thường xuyên nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ, sản phẩm; bảo đảm quyền lợi và cơ hội tiếp cận bình đẳng của người thụ hưởng.

- Đổi mới chế độ thu phí đi đôi với việc thực hiện tốt chính sách ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo. Mức phí quy định theo nguyên tắc đủ trang trải các chi phí cần thiết, có tích lũy để đầu tư phát triển và xoá bỏ mọi khoản thu khác. Người thụ hưởng có quyền lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ phù hợp với từng lĩnh vực.

- Đa dạng hóa các loại hình trường học; Phát triển mạnh các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

-

2. Kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng xã hội học tập

Với chủ trương tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, học liên tục, học suốt đời ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trình độ. Huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục; mọi người, mọi tổ chức đều có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc học tập và tham gia tích cực xây dựng xã hội học tập.

Thành phố đã tổ chức nhiều hội nghị triển khai các chuyên đề về xã hội học tập và báo cáo Đề tài khoa học “Xây dựng mô hình xã hội học tập tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn hội nhập” dành cho cán bộ chủ chốt cấp thành phố, khẳng định trách nhiệm của lãnh đạo các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các sở, ngành trong việc xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để đáp ứng cơ hội cần gì học nấy của người dân.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hội Khuyến học, các sở ban ngành, ủy ban nhân dân các quận huyện để triển khai có hiệu quả các mục tiêu của xây dựng xã hội học tập; phối hợp với các ngành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập tại 24 quận, huyện; phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính hướng dẫn các quận, huyện thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng và kinh phí hoạt động các trung tâm.

Các quận, huyện đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập; ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập trên địa bàn quận, huyện đến năm 2020; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thành lập Trung tâm học tập cộng đồng. Đến nay, đã có 100% phường, xã có trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, các quận, huyện còn tổ chức nhiều hội nghị cho cán bộ chủ chốt ở cơ sở về nhiệm vụ phải xây dựng các Trung tâm học tập cộng đồng tại phường, xã, thị trấn; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tuyên truyền vận động nhân dân tham gia học tập văn hóa, học nghề, sinh hoạt tổ nhóm nghề nghiệp với nhiều loại hình phù hợp với yêu cầu của nhân dân tại các trung tâm học tập cộng đồng.

Ngoài sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống trường phổ thông, mạng lưới giáo dục thường xuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo cũng phát triển lớn mạnh. Toàn thành phố có 30 trung tâm giáo dục thường xuyên, 6 phân hiệu bồi dưỡng văn hóa (mỗi quận, huyện có một trung tâm giáo dục thường xuyên và 6 trung tâm GDTX cấp Thành phố) góp phần giải quyết áp lực về chỗ học cho học sinh trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, các đơn vị dạy nghề thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý đều tăng hàng năm. Thành phố hiện có 629 cơ sở ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng văn hóa cũng tạo thêm chỗ học tập cho người dân. Ngoài việc học tập tại các cơ sở của ngành Giáo dục và Đào tạo và của ngành lao động, việc học tập của người dân thành phố Hồ Chí Minh còn diễn ra tại các thư viện, nhà sách, viện nghiên cứu, các trường trại, nơi làm việc, qua đài truyền thanh...

Việc thực hiện xây dựng xã hội học tập, xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng đã tạo điều kiện và cơ hội cho mọi người, mọi thành phần dân cư tham gia và chọn lựa cho việc học tập nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp, kỹ năng lao động theo cả hai hướng vừa đầu tư xây dựng phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao vừa huy động các nguồn lực, các biện pháp để đáp ứng nhu cầu học tập cho công nhân, nông dân, lao động nhập cư ở các vùng, khu vực nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

2.2. Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục.

2.2.1. Xây dựng cơ chế phối hợp các lực lượng xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Kết quả của sự huy động nguồn lực xã hội cho giáo dục được thể hiện khá đa dạng dưới nhiều hình thức như:

- Thành lập Ban chỉ đạo phổ cập cấp thành phố, quận, huyện và phường xã, thị trấn, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ban ngành, đoàn thể cùng thực hiện phổ cập giáo dục. Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục ở địa phương được cơ cấu Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương là trưởng ban, ngành Giáo dục làm Phó ban thường trực, các thành viên khác là các Ban ngành, đoàn thể, tùy theo chức năng của ngành mình mà được phân công huy động đối tượng phổ cập đến lớp, phân công chăm sóc động viên, dạy dỗ và chăm lo cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho việc dạy và học, đảm bảo không để một trẻ em nào tại địa phương thất học.

Với cơ chế tổ chức như vậy, kết quả công tác phổ cập rất khả quan, thành phố là một trong những địa phương sớm hoàn thành phổ cập giáo dục: năm 1995 hoàn thành phổ cập tiểu học, năm 2002 hoàn thành phổ cập THCS, hoàn thành phổ cập bậc trung học năm 2008.

2.2.2. Xây dựng quỹ bảo trợ học đường, quỹ khen thưởng qua các Hội, đoàn địa phương.

Các tổ chức Hội, Đoàn : Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động Thành phố, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em, Hội chữ Thập đỏ, Hội Cựu chiến binh, Phòng Lao động Thương Binh Xã Hội, và các Tổ chức phi Chính phủ và các Tổ chức kinh tế... rất tích cực đóng góp vào việc giáo dục đạo đức cho học sinh, chống lưu ban bỏ học, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi. Đã tiến hành xây dựng quỹ học bổng và các giải thưởng lớn như học bổng Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thái Bình; giải Lê Quý Đôn, Lương Thế Vinh, Võ Trường Toản, Chương trình nụ cười hồng, quỹ bảo trợ tài năng trẻ.

Hội Khuyến học toàn thành phố có 2131 cơ sở Hội ở phường xã và các cơ quan, công ty, xí nghiệp, hội quán,... với 417.602 hội viên, 703 trường đã có Chi hội khuyến học đã thực hiện chương trình khuyến sư, khuyến học, khuyến tài, “xây dựng gia đình hiếu học”.

Việc xây dựng quỹ bảo trợ học đường, quỹ khen thưởng thông qua các hội, đoàn địa phương đã giúp sức cho nhiều trẻ em tiếp tục đến trường, thực hiện được ước mơ nghề nghiệp, hoài bão tương lai; góp phần rất lớn việc kéo giảm trẻ lang thang, thất nghiệp, tệ nạn xã hội và tăng nguồn lao động cho thành phố.

2.2.3. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục phát triển

Trong nhà trường, thông qua việc tổ chức cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; phối hợp với tổ chức Đội thiếu niên tiền phong, Đoàn Thanh niên trong phong trào “Đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trong trường học”, “Cổng trường em sạch đẹp an toàn”... đã góp phần hình thành môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội vào nhà trường.

Môi trường xã hội với các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư”; phong trào xây dựng cơ quan - trường học - đơn vị văn hoá,... đã xây dựng cộng đồng dân cư an toàn, không có ma tuý, không có tệ nạn xã hội, tạo môi trường xã hội ngày càng lành mạnh hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giáo dục, hình thành nhân cách học sinh.

Việc phối hợp có hiệu quả giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong thời gian qua đã góp phần tăng tỷ lệ trẻ em đúng độ tuổi đi học, được đến trường, tỷ lệ học sinh lưu ban bỏ học giảm dần xuống còn không quá 1%, đẩy lùi các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường, số lượng trường có môi trường “Xanh - sạch - đẹp” và cơ quan đơn vị trường học có đời sống văn hoá tốt ngày càng đạt tỷ lệ cao.

2.3. Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc huy động nguồn lực trong khối trường công lập

2.3.1. Huy động nguồn lực trong khối trường công lập

Đối với khối trường công lập có sự huy động nguồn lực đóng góp từ cha mẹ học sinh và các lực lượng khác cho nhiều mục đích khác nhau như xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

Trong những năm qua, nguồn lực dành cho chi thường xuyên và đầu tư xây dựng trường, sửa chữa trường, hoặc cải tạo và nâng cấp của thành phố dựa trên những nguồn vốn sau: Vốn ngân sách (thành phố, ngân sách phân cấp cho quận, huyện và vốn thanh lý nhà), vốn vay, vốn của chương trình xoá đói giảm nghèo.

Mỗi năm thành phố Hồ Chí Minh dành hơn 26% vốn ngân sách cho việc chi thường xuyên và chi cho đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và cải tạo, nâng cấp trường học. Tuy nhiên, ngân sách này chưa đủ để đảm bảo đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường lớp. Theo quy hoạch mạng lưới trường lớp đến năm 2020, mỗi năm thành phố đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng hơn 1000 phòng học mới, tương ứng với số tiền đầu tư cần huy động hơn 5000 tỷ đồng/năm.

Trong các nguồn kinh phí đầu tư cho sửa chữa, xây dựng trường lớp ngân sách nhà nước chiếm khoảng 60%, vốn vay từ quỹ đầu tư và từ các nguồn khác khoảng 15% và vốn xã hội hóa chiếm 25%. Để xây dựng trường lớp, thành phố đã huy động những nguồn tài chính ngoài ngân sách khác nhau để phát triển trường lớp.

Cùng với việc tăng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, nguồn ngân sách ngoài nhà nước tăng lên đáng kể, việc đóng góp từ các nguồn khác cho phát triển giáo dục cũng tăng hàng năm và góp phần cho sự phát triển giáo dục của thành phố.

2.3.2. Phát huy đúng mức vai trò Ban đại diện cha mẹ học sinh, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của cha mẹ học sinh trường học

Thực hiện Luật giáo dục và Điều lệ nhà trường, tổ chức đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh đầu mỗi năm học thật nghiêm túc để bầu ra ban đại diện chất lượng và dân chủ bàn luận xây dựng chương trình hoạt động thiết thực cho nhà trường.

Xác lập hoạt động Ban đại diện Cha mẹ học sinh là một thành viên quan trọng trong hệ thống giáo dục của nhà trường. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho cha mẹ học sinh hoạt động và sẽ được xem xét trong quá trình đánh giá về xã hội hóa giáo dục và công tác quản lý nhà trường hàng năm.

Ngoài học phí, cha mẹ học sinh các trường đã tự nguyện đóng góp tài trợ hoạt động dạy và học, trang bị cơ sở vật chất (trung bình hàng năm khoảng 450 tỷ đồng). Cơ cấu của khoản chi nguồn tài trợ của cha mẹ học sinh thường bao gồm: Các hoạt động thường xuyên phục vụ việc học tập của học sinh; Quỹ khen thưởng cho học sinh cuối kỳ, cuối năm học; Hỗ trợ thăm hỏi, ốm đau, các hoạt động đột xuất trong lớp, trường; Đóng góp cải thiện cơ sở vật chất, mua sắm nhỏ phục vụ trường, lớp học, sửa chữa nhỏ trường lớp...

2.3.3. Thực hiện chế độ học phí

Thành phố Hồ Chí Minh là một địa phương quan tâm tốt đến giáo dục và đào tạo, tỷ lệ đầu tư ngân sách chi thường xuyên hàng năm lên đến 26 % nhưng vẫn chỉ đảm bảo cơ bản chế độ cho con người (giáo viên) còn tỷ lệ đầu tư cho cơ sở vật chất và hoạt động chuyên môn rất khiêm tốn, đòi hỏi phải giải quyết từ học phí mới đáp ứng được yêu cầu đổi mới, phát triển và hội nhập hiện nay.

Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 thực sự đã đi vào cuộc sống, khung học phí phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng đóng góp của người học, việc thu học phí góp phần tăng nguồn thu cho các cơ sở giáo dục và đào tạo, khuyến khích và luôn tạo điều kiện cho học sinh thuộc các diện chính sách có điều kiện được đi học, tạo được đồng thuận của các tầng lớp xã hội.

Khung học phí theo dựa trên thu nhập bình quân của hộ gia đình là hợp lý, tỷ trọng ngân sách đầu tư so với mức thu học phí càng tăng do vậy việc điều chỉnh mức học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP là góp phần

với ngân sách nhà nước nhằm nâng cao mức đầu tư trên mỗi học sinh, ngoài ra còn có tác dụng điều tiết ngân sách đầu tư nhiều hơn ở vùng khó khăn, thực hiện tốt tính công bằng trong hệ thống giáo dục. Giải quyết sự bất hợp lý kéo dài từ năm 1998 về cơ cấu học phí và giá trị đầu tư xã hội đã nhiều lần thay đổi trong nhiều năm qua.

Chế độ học phí là nguồn bổ sung trong các nguồn lực tài chính đầu tư cho Giáo dục (Ngân sách nhà nước vẫn đóng vai trò chủ yếu) thể hiện sự chia sẻ chi phí giữa nhà nước, xã hội và người học để chi phí dạy và học ở các đơn vị. Góp phần thực hiện tốt hơn công bằng trong giáo dục, đảm bảo sự bình đẳng trong việc đóng góp của các gia đình và người học và điều chỉnh cơ cấu chi ngân sách, tạo sự bình đẳng về cơ hội học tập trong xã hội.

2.3.4. Thực hiện chính sách kích cầu đầu tư

Đây là hình thức huy động vốn được nhiều đơn vị và cha mẹ học sinh hưởng ứng (Phụ huynh học sinh trả vốn gốc trong thời gian từ 7 - 9 năm, thành phố trả lãi vay). Các dự án này do Hiệu trưởng các trường trực tiếp làm chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trả vốn vay nên các công trình đầu tư đáp ứng một cách tích cực đối với nhu cầu sử dụng của nhà trường, thời gian thực hiện dự án cũng nhanh hơn, chất lượng công trình cao hơn một số công trình đầu tư từ vốn ngân sách.

Việc đóng góp thông qua chương trình kích cầu của thành phố để đầu tư xây dựng trường và các cơ sở vật chất khác cho phép nhà nước tiết kiệm một phần kinh phí đầu tư xây dựng và chuyển ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản cho khu vực khó khăn trong thành phố. Đây là một mô hình ba bên, nhà trường cùng với cha mẹ học sinh và chính quyền thực hiện.

Chương trình kích cầu tạo thêm cơ hội cho học sinh được học tập với điều kiện cơ sở vật chất khang trang và bảo đảm. Phụ huynh học sinh hoàn toàn chủ động trong việc thực hiện tăng cường cơ sở vật chất của trường đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt cho con em mình ở trường; phương thức thực hiện kích cầu rõ ràng và minh bạch về các khoản đóng góp; chất lượng giáo dục ngày càng được cải thiện, kinh phí trả vốn kích cầu cộng với học phí vẫn thấp hơn so với trường tư thục trong khi cơ sở vật chất lại tốt hơn và chất lượng yên tâm hơn.

2.4. Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc huy động nguồn lực phát triển khối trường học ngoài công lập

Sự phát triển mạnh và ngày càng mở rộng của mạng lưới trường ngoài công lập là một minh chứng sống động thể hiện nỗ lực của xã hội chăm lo cho công tác giáo dục. Đóng góp lớn nhất của khối trường này là góp phần tích cực trong việc tạo ra nhiều chỗ học tập, đảm bảo cơ hội học tập cho học sinh, từ đó góp phần nâng cao dân trí của người dân và làm giảm đáng kể sức ép về ngân sách cho giáo dục.

Các trường ngoài công lập đã vận dụng nhiều sáng kiến trong việc tổ chức và cung cấp dịch vụ phù hợp với nhu cầu và điều kiện của người dân, mà cũng nhờ

những dịch vụ đặc thù này mà một bộ phận học sinh, trẻ em với những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau tiếp cận và duy trì được cơ hội học tập, chăm sóc và rèn luyện. Xét về mặt xã hội, những dịch vụ này đóng góp đáng kể vào mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cho thành phố và bình ổn xã hội.

Trường ngoài công lập được thành lập, ngoài việc góp phần mở rộng qui mô và điều kiện học tập cho con em nhân dân, nhà trường còn có những thế mạnh rất căn bản như tự quyết định được mức học phí, thù lao giáo viên thỏa đáng, có điều kiện thúc đẩy nâng cao chất lượng chuyên môn và chọn lựa giáo viên giỏi cho nhà trường. Chính thế mạnh này của nhà trường ngoài công lập đã thu hút cả giáo viên giỏi từ các trường công lập.

Cơ chế hoạt động ngoài công lập của các trường ảnh hưởng nội dung và phương pháp dạy học quốc tế, vì vậy các trường có yếu tố nước ngoài dễ được hình thành.

Như vậy, có thể thấy, với sự gia tăng về số lượng và loại hình dịch vụ đã đáp ứng nhu cầu khác nhau về học tập của các nhóm xã hội khác nhau. Đằng sau sự đa dạng này cho thấy tiềm năng to lớn của xã hội có thể tham gia vào sự nghiệp giáo dục và có nhiều cách thức khác nhau để thỏa mãn nhu cầu của nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội.

3. Đánh giá công tác xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. Những thành tựu trong công tác xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh.

Các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thành phố Hồ Chí Minh đã tập trung nguồn lực, phát triển mạnh việc xã hội hóa giáo dục, đến nay, số lượng trường ngoài công lập đạt 808, chiếm 37,27% tổng số trường trên địa bàn Thành phố (2.168 trường), tăng 113% so với năm 2010 chỉ đạt 379 trường (chiếm tỷ lệ 23,69% tổng số trường). Trong số đó, số trường mầm non ngoài công lập là 650 trường (chiếm 59,09% tổng số trường mầm non), số trường THPT ngoài công lập là 82 trường (chiếm 43,85% tổng số trường THPT), số trường Tiểu học và THCS ngoài công lập lần lượt là 19 và 7 trường (chiếm tỷ lệ 3,85% và 2,59% tổng số trường Tiểu học và THCS), số trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp ngoài công lập là 46 trường (chiếm 71,88% tổng số trường).

Đa dạng hóa các loại hình giáo dục đã tạo điều kiện bổ sung mặt mạnh cho nhau giữa các loại hình giáo dục, góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đào tạo ngày càng cao của xã hội. Tạo điều kiện tăng thu nhập giáo viên một cách phù hợp đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Qua triển khai thực hiện thí điểm mô hình trường chất lượng cao đã thu được một số kết quả khả quan: Với phương pháp giảng dạy hiện đại, giáo viên có điều kiện quan tâm tìm hiểu và hướng dẫn từng học sinh rèn luyện nhân cách, xác định lý

tưởng, hướng nghiệp và xây dựng phương pháp tự học cho học sinh trong quá trình dạy học; học sinh năng động, tự tin, bản lĩnh, sẵn sàng hội nhập, thân thiện, có đủ điều kiện phát triển toàn diện theo mục tiêu đào tạo của nhà trường. Việc đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất được tiến hành từng bước đã đáp ứng được cơ bản yêu cầu giảng dạy tiên tiến; cùng với ngân sách nhà nước, các khoản thu bổ sung mới có thể đáp ứng việc đầu tư hiện đại. Xây dựng mức thu phù hợp của trường tiên tiến sẽ tạo động lực các trường của thành phố Hồ Chí Minh nhanh chóng vươn lên đạt trình độ tiên tiến của khu vực, nâng cao tính cạnh tranh trong việc đào tạo nhân lực, nhân tài phục vụ việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Mô hình trường tiên tiến đang thực hiện là khả thi và phù hợp, đáp ứng các nhu cầu học tập của học sinh, sự đòi hỏi của xã hội và thời đại hội nhập quốc tế. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đào tạo lớp thanh niên mới năng động, sáng tạo.

Chế độ học phí và nguồn tài trợ từ phụ huynh, các tổ chức xã hội đã góp phần thực hiện tốt hơn công bằng trong giáo dục, đảm bảo sự bình đẳng trong việc đóng góp của các gia đình và người học và điều chỉnh cơ cấu chi ngân sách, tạo sự bình đẳng về cơ hội học tập trong xã hội, nâng cao điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo được quan tâm (từ 2009 đến 2016, Thành phố đã phê duyệt 59 dự án với tổng vốn đầu tư 7.160 tỷ, số vốn vay được ngân sách hỗ trợ là 3.022 tỷ).

Nhận thức về xã hội hoá của các ngành, các cấp và cộng đồng được nâng lên một bước, đặc biệt là các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của công tác xã hội hoá trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3.2. Những hạn chế và khó khăn trong công tác xã hội hóa giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đối chiếu với các tiêu chí của Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao hiện nay thành phố Hồ Chí Minh chưa đạt chỉ tiêu (*tỷ lệ học sinh ngoài công lập*).

Nhận thức về xã hội hóa ở một bộ phận cán bộ, nhân dân còn chưa đầy đủ, tốc độ xã hội hóa còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng và chưa huy động được tổng thể các nguồn lực để phát triển giáo dục - đào tạo của thành phố. Mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới và cơ chế hoạt động vốn có luôn là sự cản trở nặng nề cho những người thực hiện.

Nhu cầu học tập của người dân Thành phố rất lớn đòi hỏi nhiều loại hình đa dạng nhưng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế, chưa thu hút đông đảo sự tham gia của người dân. Một số quận, huyện chưa bố trí kinh phí để thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập, hoạt động chủ yếu lồng ghép từ các

chương trình mục tiêu, dự án nên hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế.

Chế độ chính sách chưa đồng bộ, thiếu và chậm hướng dẫn cụ thể và đặc biệt cơ chế hoạt động của các trường công lập chưa cho phép phát huy hết khả năng tích cực và sáng tạo của cơ sở, của giáo viên. Cơ chế tự chủ nhà trường về tài chính, học phí, tuyển dụng, ...chưa được quan tâm, tạo điều kiện thực hiện.

Các cơ sở ngoài công lập tuy tăng nhanh về số lượng nhưng nhìn chung quy mô còn nhỏ bé, cơ sở vật chất còn hạn chế, phát triển không đồng đều mới chủ yếu tập trung ở nội thành, nội thị, nơi đông dân, mức độ phát triển xã hội hoá còn thấp ở khu vực ngoại thành và vùng xa, vùng khó khăn, dịch vụ còn thiếu so với nhu cầu, chất lượng chuyên môn sâu chưa đạt được như khối công lập, đội ngũ cán bộ, giáo viên còn thiếu và yếu, chất lượng và hiệu quả hoạt động chưa cao. Tâm lý người dân vẫn còn trông chờ vào sự chăm lo của Nhà nước, chưa tin tưởng vào chất lượng của hệ thống trường ngoài công lập.

Công tác quản lý các trường có yếu tố nước ngoài, công tác quản lý du học còn nhiều bất cập do chưa có đầy đủ hệ thống văn bản pháp lý.

Việc liên kết, liên doanh, cho thuê cơ sở vật chất còn chưa khai thác hết công suất tại các trường công lập hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn ràng buộc, ...

Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của thành phố (*Quyết định 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND Thành phố*) vẫn chưa thật sự phát huy tác dụng đối với đơn vị trường học công lập do nguồn thu từ học sinh hạn chế, không đảm bảo kinh phí trả nợ vay trong vòng 7 năm; các đơn vị trường học công lập không có khả năng đối ứng vốn khi giao dịch với các tổ chức tín dụng.

Quản lý hệ thống giáo dục còn nhiều bất cập, quản lý đứt khúc theo cơ cấu quản lý khác nhau của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; đầu tư tản mạn thiếu tập trung và chưa đúng mức để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

3.3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong công tác xã hội hóa.

a. Những nguyên nhân của thành tựu

Quán triệt đường lối đúng đắn về phát triển giáo dục và xã hội hóa giáo dục của Đảng, Nhà nước, các cấp uỷ Đảng, chính quyền ở thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm sâu sát lãnh đạo tổ chức các biện pháp đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về nội dung, ý nghĩa, mục đích xã hội hóa giáo dục. Từ đó, xác định được vai trò, nghĩa vụ của mình trong thực hiện xã hội hóa giáo dục, đồng thời tạo sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, và nhân dân đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

Ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh nói chung, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường nói riêng, chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương và làm nòng cốt trong quá trình tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

Công tác kiểm tra đánh giá nhằm biểu dương các việc làm tích cực và rút kinh nghiệm, kịp thời chấn chỉnh các hạn chế, lệch lạc trong quá trình thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục cũng góp phần làm nên sự thành công của công tác này.

Công tác kế hoạch hoá, xây dựng các văn bản chỉ đạo cụ thể của các cấp quản lý về công tác xã hội hóa giáo dục đã xác định những mục tiêu phát triển tạo sự nhất quán trong hành động, từ đó tạo nên hiệu quả cao cho các hoạt động.

b. Những nguyên nhân của hạn chế

Tư duy về công tác quản lý giáo dục còn chậm đổi mới, chưa bắt kịp với tốc độ phát triển của kinh tế - xã hội, chưa được coi trọng về cơ chế chính sách nên công tác đổi mới còn chậm.

Nghị định của Chính phủ có ban hành về việc thực hiện chính sách xã hội hóa các lĩnh vực trong đó có giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên các Bộ, ngành liên quan chưa thật sự quan tâm sâu sắc và nghiêm túc, chưa tìm được tiếng nói chung để thực hiện. Việc này dẫn đến kết quả các năm qua về công tác xã hội hóa chưa có tín hiệu tích cực.

Hệ thống văn bản pháp quy về thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục vẫn còn những mặt chưa được cụ thể hoá, tính pháp chế còn ít, tính động viên khuyến khích là chủ yếu. Chưa xây dựng được một chiến lược và một cơ chế để tạo ra sự đồng thuận xã hội cao trong công tác xã hội hóa giáo dục, do đó giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh còn gặp nhiều lúng túng trong việc quản lý các trường có yếu tố nước ngoài.

Công tác tuyên truyền ở một số cơ quan, địa phương chưa được quán triệt đều khắp trong các lực lượng xã hội, chưa quán triệt sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của xã hội hóa giáo dục, còn mang tính phiến diện, nặng về huy động đóng góp của dân, chưa đi sâu vào bản chất, nội dung của xã hội hóa giáo dục. Công tác tuyên truyền chưa đến được người nghèo, đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội; công tác kiểm tra, đánh giá, thông tin, báo cáo không kịp thời, thiếu chính xác.

Một số cấp uỷ, chính quyền còn xem nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của ngành giáo dục, thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên thực hiện nhiệm vụ này. Việc kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, tổ chức các hội nghị, sơ kết chưa được chú trọng.

Sự phối hợp để thực hiện nhiệm vụ ở một số địa phương chưa chặt chẽ; việc huy động các nguồn lực xã hội và phát huy các thiết chế văn hoá, thể dục thể thao, trường học tham gia nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập còn hạn chế; các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội các cấp chưa dành nhiều thời gian để thực hiện các

nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo phân công. Hoạt động của một số trung tâm học tập cộng đồng chưa hiệu quả, các chuyên đề chưa đa dạng thiết thực do đó chưa đáp ứng được nhu cầu học tập rộng lớn của người dân.

Một số cán bộ quản lý ở trường còn thiếu nhiệt tình, chưa thật năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện cũng như trong tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo địa phương, Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, chưa coi trọng sự phối hợp với các tổ chức, lực lượng xã hội trong thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục như là một biện pháp quan trọng để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Hệ thống trường phổ thông ngoài công lập chưa thật sự hấp dẫn người dân đưa con em mình vào học do đa phần cơ sở vật chất trường lớp ngoài công lập là công trình thuê mướn, cải tạo công năng, diện tích nhỏ hẹp, trang thiết bị thiếu thốn; giáo dục toàn diện chưa được chú trọng; vấn đề học phí khu vực này chưa phù hợp với khả năng tài chính của phần đông nhân dân thành phố.

Phần thứ hai.

Quan điểm và mục tiêu phát triển xã hội hoá giáo dục

I. Quan điểm và định hướng chung

1. Thực hiện xã hội hóa giáo dục nhằm phát huy tiềm năng về trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục, đồng thời tạo điều kiện để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được hưởng thụ thành quả giáo dục ở mức độ ngày càng cao.

2. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội học tập suốt đời, góp phần nâng cao trình độ phổ cập giáo dục phổ thông, tạo điều kiện cho việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tri thức và khả năng thích ứng với thị trường lao động.

3. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, tăng nguồn lực đầu tư, đồng thời đổi mới mục tiêu, phương thức, cơ cấu và nguồn vốn đầu tư; tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo trên cơ sở đổi mới chế độ miễn, giảm học phí theo hướng công khai, hợp lý và cấp trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

Chuyển đổi các cơ sở giáo dục công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính; thực hiện hạch toán đầy đủ chi phí, cân đối thu chi; thường xuyên nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục; bảo đảm quyền lợi và cơ hội tiếp cận bình đẳng của người học.

Đổi mới chế độ thu học phí đi đôi với việc thực hiện tốt chính sách ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo. Mức học phí quy định theo nguyên tắc đủ trang trải các chi phí cần thiết, có tích lũy để đầu tư phát triển và xóa bỏ mọi khoản thu khác. Người học có quyền lựa chọn cơ sở giáo dục phù hợp.

4. Đa dạng hóa các loại hình giáo dục, phát triển mạnh các cơ sở giáo dục ngoài công lập, mở rộng liên kết, hợp tác với nước ngoài và phát triển hợp lý cơ sở giáo dục do nước ngoài đầu tư 100% vốn. Quyền sở hữu của các cơ sở giáo dục ngoài công lập được xác định theo Bộ luật Dân sự.

Mỗi cơ sở giáo dục ngoài công lập đều có thể hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận hoặc theo cơ chế lợi nhuận. Theo cơ chế phi lợi nhuận thì ngoài phần được dùng để bảo đảm lợi ích hợp lý của các nhà đầu tư, phần để tham gia thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, trợ giúp người nghèo, lợi nhuận chủ yếu được dùng để đầu tư phát triển. Theo cơ chế lợi nhuận thì lợi nhuận có thể được chia cho các cá nhân và phải chịu thuế. Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục phi lợi nhuận.

Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của giáo dục ở từng vùng miền. Các nhà đầu tư vào giáo dục được đảm bảo lợi ích hợp pháp về vật chất và tinh thần.

5. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra thực hiện luật pháp; phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức quần chúng, các hiệp hội nghề nghiệp trong việc giám sát các hoạt động xã hội hóa giáo dục. Tạo môi trường phát triển, môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo pháp luật để thúc đẩy các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập phát triển cả về quy mô và chất lượng, xây dựng các cơ sở giáo dục đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới.

6. Xã hội hóa giáo dục phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả; đảm bảo sự thống nhất quản lý của Nhà nước, giữ vững vai trò nòng cốt của các trường công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân; gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các vùng, các địa phương.

II. Mục tiêu chung

1. Huy động sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển sự nghiệp giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, làm cho mọi người, mọi tổ chức đều được đóng góp để phát triển giáo dục cũng như được hưởng thụ những thành quả của giáo dục ngày càng cao.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân học sinh; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

3. Đảm bảo cơ hội học tập cho các đối tượng học sinh diện chính sách, người nghèo, khuyết tật và các đối tượng khó khăn về điều kiện học tập.

4. Đảm bảo yêu cầu chất lượng học tập theo nhu cầu đa dạng của người dân.

5. Đảm bảo phát triển hợp lý tỷ lệ các trường công lập, ngoài công lập, các loại hình trường chất lượng cao theo hướng hội nhập với khu vực và quốc tế.

III. Mục tiêu cụ thể

1. Đối với giáo dục mầm non

Đẩy mạnh việc thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non. Mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt ở nông thôn và những vùng khó khăn thông qua hệ thống trường, lớp đa dạng và mạng lưới phổ biến kiến thức và tư vấn nuôi dạy trẻ cho các gia đình.

Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục mầm non tư thục ở thành phố, thị xã, vùng kinh tế phát triển. Ưu tiên ngân sách để đầu tư phát triển giáo dục mầm non công lập ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa.

Chuyển các cơ sở giáo dục mầm non công lập có nguồn thu sự nghiệp và có đủ điều kiện sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Trước mắt, chuyển các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở khu vực thành phố, thị xã và ở những nơi có các điều kiện

thuận lợi, kinh tế phát triển sang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

Xây dựng và phát triển tại thành phố Hồ Chí Minh một hệ thống trường mầm non có chất lượng tốt, chăm sóc giáo dục trẻ từ 1 đến 6 tuổi.

Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân đóng góp kinh phí, đất đai để xây dựng trường mầm non đạt chuẩn tiên tiến hội nhập.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ trẻ học nhà trẻ công lập 40%, ngoài công lập khoảng 60% và tỷ lệ học sinh mẫu giáo công lập 60% và ngoài công lập khoảng 40%.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ các trường mầm non công lập chuyển đổi sang đơn vị sự nghiệp giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên đạt 10%; trong đó mỗi quận huyện có ít nhất 01 trường mầm non thực hiện triển khai mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế (theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố).

Đến năm 2020 phát triển thêm 1.756 Phòng học mầm non ngoài công lập.

Thực hiện Kế hoạch: “Xây dựng mô hình trường mầm non theo mô hình xã hội hóa”

2. Đối với giáo dục phổ thông

2.1. Tiểu học

Khuyến khích mở các loại hình trường tiểu học ngoài công lập trên địa bàn thành phố nhằm huy động nguồn lực của xã hội, của những gia đình có thu nhập cao đầu tư phát triển giáo dục tiểu học.

Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân đóng góp kinh phí, đất đai để xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn tiên tiến hội nhập .

Thực hiện chính sách ưu tiên ngân sách cho vùng sâu, vùng xa, đồng thời huy động tối đa các nguồn ngoài ngân sách nhà nước ở những nơi có điều kiện để đầu tư cho các vùng này.

Đến năm 2020 mỗi quận huyện có ít nhất 01 trường tiểu học thực hiện triển khai mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế (theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố).

Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh tiểu học ngoài công lập của Thành phố khoảng 3%.

Đến năm 2020 phát triển thêm 442 Phòng học tiểu học ngoài công lập.

Thực hiện Kế hoạch: “Xây dựng mô hình trường tiểu học theo mô hình xã hội hóa”

2.2. Trung học cơ sở

Khuyến khích phát triển trường trung học cơ sở ngoài công lập ở các quận huyện có điều kiện kinh tế phát triển.

Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân đóng góp kinh phí, đất đai để xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn tiên tiến hội nhập.

Thực hiện chính sách ưu tiên ngân sách cho vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn thực hiện phổ cập trung học cơ sở. Đảm bảo đủ ngân sách cho giáo dục phổ cập.

Chuyển các cơ sở giáo dục công lập có nguồn thu sự nghiệp và có đủ điều kiện sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Trước mắt, chuyển các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở khu vực thành phố, thị xã và ở những nơi có các điều kiện thuận lợi, kinh tế phát triển, trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế sang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

Đến 2020, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở ngoài công lập khoảng 4,5%.

Đến năm 2020 phát triển thêm 290 Phòng học THCS ngoài công lập.

Thực hiện Kế hoạch: “Xây dựng mô hình trường Trung học cơ sở theo mô hình xã hội hóa”.

2.3. Trung học phổ thông

Chuyển các trường trung học phổ thông công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Trước mắt, chuyển các trường trung học phổ thông tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế sang hoạt động cơ chế tự chủ tài chính, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

Khuyến khích phát triển trường trung học phổ thông ngoài công lập. Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân đóng góp kinh phí, đất đai để xây dựng trường trung học phổ thông đạt chuẩn tiên tiến hội nhập.

Đến 2020, tỷ lệ học sinh trung học phổ thông ngoài công lập khoảng 18%.

Đến năm 2020 phát triển thêm 248 Phòng học THPT ngoài công lập.

Thực hiện Kế hoạch: “Xây dựng mô hình trường phổ thông theo mô hình xã hội hóa”

2.4. Đối với trung cấp chuyên nghiệp

Phát triển các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp phù hợp với nhu cầu và điều kiện kinh tế - xã hội.

Khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập, nhất là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và trong các doanh nghiệp, tổng công ty lớn.

Chuyển các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Trước mắt, giao cho các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp thực hiện cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

Phấn đấu đến năm 2020 chuyển 1 trong 4 trường trực thuộc Sở thành đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo tự đảm bảo chi thường xuyên.

Đến năm 2020 có 01 trường Trung cấp công lập được công nhận trường tiên tiến theo Quyết định 3036/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Khuyến khích các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có chất lượng cao của nước ngoài.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ học sinh trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập khoảng 40% tại các đơn vị do thành phố quản lý.

2.5. Đối với cao đẳng và đại học

Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho các trường đại học, cao đẳng công lập. Hội đồng trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chuyển các trường đại học, cao đẳng công lập có nguồn thu sự nghiệp sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

Thí điểm chuyển một số trường đại học, cao đẳng công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên thành trường ngoài công lập.

Đến năm 2020 có 02 trường Cao đẳng công lập được công nhận trường tiên tiến theo Quyết định 3036/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo Quyết định 2631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Khuyến khích các trường đại học, cao đẳng liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có chất lượng cao của nước ngoài.

Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập khoảng 40% tại các đơn vị do thành phố quản lý.

2.6. Giáo dục thường xuyên

Đẩy mạnh việc thực hiện Quyết định 89/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 5506/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện nhiệm vụ

xây dựng xã hội học tập đến các quận, huyện, trên cơ sở này Ủy ban nhân dân các quận, huyện đã triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”. Phát triển giáo dục thường xuyên như là một hình thức huy động tiềm năng của cộng đồng để xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi, mọi nơi có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mỗi cá nhân, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, tiến tới xây dựng thành phố Hồ Chí Minh là thành phố học tập.

Mở rộng đào tạo từ xa và các phương thức đào tạo không chính quy khác. Tạo cơ hội cho đông đảo người lao động được tiếp tục học tập, được đào tạo lại, được bồi dưỡng ngắn hạn, định kỳ và thường xuyên theo các chương trình giáo dục, các chương trình kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập hoặc chuyển đổi nghề nghiệp.

Phát triển các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, phong trào khuyến học, khuyến tài, tổ chức các hoạt động khuyến học trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học và các hội khuyến học ở phường, xã để tiến tới xây dựng cộng đồng học tập cấp xã vững mạnh.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên đạt trên 99%; đạt tỷ lệ 90% số cán bộ cấp xã và cán bộ cấp huyện được học tập bồi dưỡng cập nhật kiến thức về quản lý, pháp luật, kinh tế và xã hội; đạt tỷ lệ 100% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước được tham gia các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ; đạt tỷ lệ trên 85% số người lao động trong các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp được tiếp cận và hưởng thụ các chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ.

Phần thứ ba

Các giải pháp thực hiện xã hội hóa giáo dục.

I. Nguyên tắc đề xuất giải pháp

Việc đề xuất các giải pháp thực hiện Xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

- Phù hợp với tình hình thực tế của thành phố Hồ Chí Minh khi thực hiện công tác Xã hội hóa giáo dục.
- Đem lại hiệu quả trong công tác Xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh.
- Áp dụng thành công trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh với các chủ thể khác nhau.

II. Những định hướng đề xuất giải pháp

1. Định hướng giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục quán triệt sâu rộng quan điểm tư tưởng giáo dục là quốc sách hàng đầu, xác định giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam; đầu tư giáo dục- đào tạo là đầu tư cho phát triển, nhằm tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của toàn hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ.

Hoàn thiện và triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch hệ thống trường lớp trên địa bàn, thành phố theo hướng đa dạng hóa hệ thống các loại hình giáo dục, bảo đảm nhu cầu học tập ở tất cả các bậc học, ngành học.

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng hiện đại, coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm xã hội cho học sinh, sinh viên; đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục công lập, bảo đảm vai trò chủ đạo trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập của thành phố.

Đổi mới mạnh mẽ cơ cấu quản lý Nhà nước đối với giáo dục và đào tạo; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội, vai trò của ngành giáo dục và đào tạo để phát triển sự nghiệp giáo dục; đổi mới chính sách sử dụng cán bộ theo hướng coi trọng phẩm chất và năng lực thực tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao

chất lượng và hiệu quả quản lý giáo dục. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng và giám sát các hoạt động giáo dục. Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường đi đôi với việc hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, bảo đảm sự giám sát của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị- xã hội. Quan tâm chăm lo cải thiện đời sống giáo viên, giải quyết nhu cầu về nhà ở cho cán bộ, giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, nhất là giáo viên ở các vùng ngoại thành.

Đầu tư ngân sách gắn với đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống trường lớp theo quy hoạch, nhằm khai thác mạnh các nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục- đào tạo; có chính sách hỗ trợ học bổng cho công nhân học tập nâng cao trình độ; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xây dựng trường lớp hoặc hỗ trợ chi phí đào tạo; tạo điều kiện phát triển các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - công nghệ, doanh nhân và lao động kỹ thuật; đầu tư mạnh mẽ để phát triển hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao của các ngành, lĩnh vực trọng yếu và đào tạo nghề cho người dân các vùng đô thị hóa

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, bảo đảm phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng, phát huy tối đa nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Nghiên cứu, đề xuất bổ sung hệ thống văn bản pháp lý; kiểm tra, kiểm định, giám sát điều kiện cơ sở vật chất, trình độ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên của các trường có yếu tố nước ngoài.

2. Định hướng công tác xã hội hóa giáo dục thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030

Căn cứ vào những quan điểm và định hướng chung, mục tiêu lớn của Xã hội hóa giáo dục bao gồm:

Phát huy tiềm năng về trí tuệ và vật chất của xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, hướng tới đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tạo điều kiện để nhóm người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn được thụ hưởng thành quả giáo dục với chất lượng ngày càng cao.

Thu hút sự tham gia cho xã hội cả về nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức, đầu tư vật chất cho giáo dục, nhằm hình thành hệ thống nhà trường phát triển hài hòa giữa công lập và ngoài công lập.

Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các bên trong xã hội thực hiện tham gia vào sự nghiệp giáo dục, cải thiện cả về nội dung (nội dung, phương pháp dạy và học, chương trình) và cải thiện về cơ sở vật chất cho giáo dục.

Đáp ứng nhu cầu học tập của các nhóm khác nhau trong xã hội trên cơ sở thỏa thuận và cam kết giữa nhà trường và xã hội, tạo điều kiện để xã hội giám sát việc thực hiện cam kết về chất lượng và chi phí.

Sử dụng và phân bổ ngân sách của thành phố dành cho giáo dục có hiệu quả hơn, đầu tư hướng tới nhóm nghèo và cận nghèo.

3. Lộ trình thực hiện

3.1. Giai đoạn 2017-2020

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ trẻ học nhà trẻ công lập 40%, ngoài công lập khoảng 60% và tỷ lệ học sinh mẫu giáo công lập 60% và ngoài công lập khoảng 40%.

Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh tiểu học ngoài công lập của Thành phố đạt 3%.

Đến 2020, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở ngoài công lập đạt 4,5%.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ học sinh trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập đạt 40%.

Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đạt 40%.

Phấn đấu đến năm 2020, đạt tỷ lệ 10% đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục thành đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (trừ các trường tiểu học không thuộc diện thu học phí).

Phấn đấu đến năm 2020 mỗi bậc học (mầm non, tiểu học, THCS, THPT) có 01 đơn vị hoạt động theo mô hình xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2020, có 50% học sinh được tham gia hoạt động giáo dục thẩm mỹ, hoạt động thể thao, được học các kỹ năng thực hành xã hội theo hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2020, 100% học sinh được tham gia các hoạt động hướng nghiệp, hoạt động khởi nghiệp bằng hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2020, có 20% các đơn vị có các thiết chế phục vụ giáo dục (hồ bơi, nhà thi đấu, sân bóng đá, thư viện thông minh...) bằng hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2020, có 10% học sinh đi học bằng xe công cộng theo hình thức xã hội hóa

3.2. Giai đoạn 2020-2025

Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ trẻ học nhà trẻ công lập 35%, ngoài công lập khoảng 65% và tỷ lệ học sinh mẫu giáo công lập 55% và ngoài công lập đạt 45%.

Đến năm 2025, tỷ lệ học sinh tiểu học ngoài công lập của Thành phố đạt 4%.

Đến 2025, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở ngoài công lập đạt 5%.

Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ học sinh trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập đạt 45%.

Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đạt 45%.

Phấn đấu đến năm 2025, đạt tỷ lệ 15% đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục thành đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (trừ các trường tiểu học không thuộc diện thu học phí).

Phấn đấu đến năm 2025 mỗi bậc học có 10% đơn vị hoạt động theo mô hình xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2025, có 80% học sinh được tham gia hoạt động giáo dục thẩm mỹ, hoạt động thể thao, được học các kỹ năng thực hành xã hội theo hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2025, có 30% các đơn vị có các thiết chế phục vụ giáo dục (hồ bơi, nhà thi đấu, sân bóng đá, thư viện thông minh...) bằng hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2025, có 20% học sinh đi học bằng xe công cộng theo hình thức xã hội hóa

3.3. Giai đoạn 2025-2030

Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ trẻ học nhà trẻ công lập 30%, ngoài công lập khoảng 70% và tỷ lệ học sinh mẫu giáo công lập 50% và ngoài công lập đạt 50%.

Đến năm 2030, tỷ lệ học sinh tiểu học ngoài công lập của Thành phố đạt 4.5%.

Đến 2030, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở ngoài công lập đạt 5,5%.

Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ học sinh trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập đạt 50%.

Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đạt 50%.

Phấn đấu đến năm 2030, đạt tỷ lệ 20% đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục thành đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (trừ các trường tiểu học không thuộc diện thu học phí).

Phấn đấu đến năm 2030 mỗi bậc học có 20 % đơn vị hoạt động theo mô hình xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2030, có 100% học sinh được tham gia hoạt động giáo dục thẩm mỹ, hoạt động thể thao, được học các kỹ năng thực hành xã hội theo hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2030, có 50% các đơn vị có các thiết chế phục vụ giáo dục (hồ bơi, nhà thi đấu, sân bóng đá, thư viện thông minh...) bằng hình thức xã hội hóa.

Phấn đấu đến năm 2030, có 30% học sinh đi học bằng xe công cộng theo hình thức xã hội hóa

III. Các giải pháp phát triển Xã hội hóa giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030

1. Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác Xã hội hóa giáo dục

Tập trung tuyên truyền sâu rộng các quan điểm, nội dung, giải pháp phát triển giáo dục đề các cơ quan, tổ chức, lực lượng xã hội, nhân dân nhận thức đúng, đầy đủ và toàn diện về công tác Xã hội hóa giáo dục, về đa dạng hoá loại hình học tập, có thái độ bình đẳng giữa cơ sở giáo dục đào tạo công lập và ngoài công lập; góp phần thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ngày càng tốt hơn. Hiểu xã hội hóa giáo dục là hướng phát triển có tính chiến lược lâu dài của Đảng nhằm điều chỉnh được các nhận thức lệch lạc, phiến diện và sai lầm về công tác Xã hội hóa giáo dục.

Xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến về xã hội hoá giáo dục; khuyến khích và phát huy các nhân tố tích cực trong quá trình đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và vai trò quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong công tác Xã hội hóa giáo dục

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; nhận thức rõ vai trò lãnh đạo, tổ chức của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tập hợp các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội trong quá trình thực hiện Xã hội hóa giáo dục. Xác định rõ việc huy động các lực lượng xã hội tham gia hoạt động giáo dục nhà trường ở mỗi địa phương là hỗ trợ cho việc điều hành, chỉ đạo quản lý của Nhà nước.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức ngành giáo dục trao đổi, nghiên cứu, học tập hiểu rõ các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác Xã hội hóa giáo dục.

3. Huy động và tổ chức các lực lượng xã hội tham gia công tác Xã hội hóa giáo dục

3.1. Tiếp tục tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo:

- Tăng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo ở mức không thấp hơn 30% trong tổng chi ngân sách nhà nước của Thành phố. Trong cơ

cầu chi cho giáo dục từ ngân sách, cần ưu tiên bố trí cho vùng khó khăn và các cơ sở giáo dục đào tạo trọng điểm.

- Thực hiện xây dựng trường lớp trên 24 quận, huyện theo quy hoạch phát triển mạng lưới các trường học đến năm 2020 theo lộ trình đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt với chỉ tiêu 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học. Trong đó, có kế hoạch xây dựng các trường tiên tiến hiện đại, chất lượng cao ở những địa bàn thuận lợi theo tinh thần Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Phát huy tối đa tiềm năng của các đơn vị để nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2. Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo

- Ban hành các nghị quyết về chính sách thu hút các tổ chức xã hội, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Thực hiện việc miễn thuế sử dụng đất, thuế đất; ưu đãi trong huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; miễn giảm thuế đối với các hoạt động giáo dục ở các trường ngoài công lập.

- Triển khai nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư để tăng cường nguồn vốn đầu tư về cơ sở vật chất trường học hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trên cơ sở rà soát danh mục các dự án đã có đất sạch để thực hiện thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư 23/TT-BTC.

- Tiếp tục thực hiện chương trình kích cầu đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Mở rộng các quỹ hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo (để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp, xây dựng trường chuẩn quốc gia...);

Huy động sự đóng góp của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các tập thể, các tổ chức quốc tế, các cá nhân trong và ngoài nước để xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp;

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng để tạo thêm nguồn thu cho các đơn vị;

Thành lập quỹ đào tạo ở các ngành sản xuất kinh doanh trên cơ sở đóng góp của các cơ sở này và các nhà tài trợ nhằm hỗ trợ cho việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ trong ngành.

3.3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tăng nguồn lực cho giáo dục đào tạo

Tranh thủ mọi nguồn viện trợ của quốc tế để đầu tư cho giáo dục đào tạo.

- Khai thác các nguồn, quỹ học bổng để hỗ trợ học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên trong học tập, nghiên cứu.

- Mở rộng các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho đối tác nước ngoài mở trường trên địa bàn Thành phố;

3.4. Triển khai thực hiện chế độ học phí mới và các chính sách xã hội hỗ trợ, khuyến khích học tập

Xác định chi phí của từng cấp học để có căn cứ điều chỉnh học phí, tăng khả năng thu hồi chi phí phù hợp với mỗi cấp học, đảm bảo tính công bằng trong hưởng thụ giáo dục.

Triển khai tổ chức thực hiện chế độ học phí mới trong các cơ sở giáo dục đào tạo sau khi được ban hành.

- Huy động sự đóng góp của người học đối với các lĩnh vực thực hiện xã hội hóa .

- Thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội hỗ trợ, khuyến khích học tập: tín dụng đối với học sinh, sinh viên; chế độ học bổng...

- Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; ngành giáo dục và đào tạo Thành phố đẩy mạnh toàn diện việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đồng bộ cả về thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

4. Tăng cường kế hoạch hoá công tác Xã hội hóa giáo dục

Thực hiện phân cấp trách nhiệm ở các cấp quản lý để tăng cường hiệu quả công tác kế hoạch, tổ chức, thực hiện công tác Xã hội hóa giáo dục.

Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng trong việc hoạch định các kế hoạch phát triển, các chủ trương, chính sách giáo dục và công tác Xã hội hóa giáo dục của thành phố.

Chính quyền các cấp nghiên cứu, xây dựng được đề án, dự án, chương trình, kế hoạch để tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực cho giáo dục.

Xây dựng, ban hành các văn bản pháp quy có hiệu lực, thiết thực, kịp thời để tạo hành lang pháp lý cho thực hiện công tác Xã hội hóa giáo dục.

Cụ thể hoá các mục tiêu phát triển các cấp học, công tác xã hội hóa giáo dục trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học, bảo đảm thực hiện đúng lộ trình đã đề ra từ nay đến năm 2030.

5. Tăng cường kiểm tra, đánh giá công tác Xã hội hóa giáo dục

Tăng cường tổ chức thanh tra chuyên đề về công tác Xã hội hóa giáo dục ở trường học; chú trọng đến hoạt động phối hợp của Ban giám hiệu với các tổ chức, đoàn thể và các lĩnh vực có liên quan đến việc huy động các nguồn lực cho nhà trường; nhanh chóng điều chỉnh, uốn nắn các trường hợp sai phạm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác Xã hội hóa giáo dục.

Tăng cường kiểm tra công tác Xã hội hóa giáo dục kết hợp với thanh tra toàn diện nhà trường; kiểm tra công nhận trường tiên tiến, trường đạt chuẩn quốc gia,...

Tăng cường công tác kiểm tra của Hiệu trưởng đối với công tác Xã hội hóa giáo dục tại đơn vị mình quản lý nhằm phát huy hiệu quả việc huy động cộng đồng tham gia vào quá trình giáo dục của nhà trường.

Tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm công tác Xã hội hóa giáo dục ở các cấp học, bậc học theo định kỳ.

6. Tăng cường quản lý phối hợp các lực lượng tham gia công tác Xã hội hóa giáo dục

Vận động các ban, ngành, đoàn thể từ cấp thành phố đến địa phương trong huy động, thu hút các lực lượng xã hội tham gia vào giáo dục. Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong quá trình tham gia vào phát triển giáo dục và công tác tuyên truyền trong cộng đồng, công tác vận động xã hội tham gia xã hội hóa giáo dục.

Phát huy vai trò nòng cốt của ngành Giáo dục và Đào tạo, làm chủ công trong phối hợp các lực lượng xã hội để huy động nguồn lực cho giáo dục; đặc biệt trong xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, trong đó hình thành mối liên hệ, phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục: nhà trường - gia đình - xã hội.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo, đài để tuyên truyền, vận động cho người dân, phụ huynh, học sinh hiểu đúng chủ trương xã hội hóa giáo dục của thành phố Hồ Chí Minh.

7. Đổi mới cơ chế chính sách và quản lý nhà nước về Xã hội hóa giáo dục

a. Đổi mới về cơ chế chính sách.

- Đổi mới về phân bổ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục. Đầu tư của nhà nước có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; ưu tiên các vùng còn khó khăn của thành phố; quan tâm đến việc tạo điều kiện và hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo được học tập.

- Cho các trường ngoài công lập thuê dài hạn cơ sở hạ tầng. Thực hiện chính sách thuế ưu đãi cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Thực hiện công khai hoá, đơn giản hoá thủ tục thuê đất, giao đất theo chủ trương của Chính phủ cho các trường công lập và ngoài công lập. Tạo điều kiện cho các trường ngoài công lập tiếp cận và sử dụng nguồn vốn kích cầu của thành phố.

- Đổi mới cơ bản chế độ học phí, nhằm đảm bảo chi phí cần thiết cho giảng dạy, học tập và tích lũy để đầu tư phát triển nhà trường. Xoá bỏ mọi khoản thu khác ngoài học phí.

- Thực hiện bình đẳng về thi đua khen thưởng đối với cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

b. Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục.

- Nhà nước quản lý thống nhất đối với cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; tạo điều kiện để các cơ sở đó cùng phát triển ổn định, lâu dài; đảm bảo lợi ích của từng cá nhân, tập thể và toàn xã hội.

- Phân cấp quản lý gắn liền quyền hạn với trách nhiệm của từng cấp quản lý giáo dục; gắn phân cấp nhiệm vụ với phân cấp quản lý về tài chính, tổ chức nhân sự và đảm bảo các điều kiện vật chất khác mạnh dạn giao tự chủ cho các đơn vị.

- Tách bạch quản lý nhà nước khỏi việc điều hành công việc thường xuyên ở cơ sở. Tăng cường thực hiện dân chủ trong giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi để toàn xã hội tham gia vào quá trình xã hội hoá.

8. Đổi mới cơ chế tài chính

Ngân sách thành phố vẫn đảm bảo duy trì tỷ lệ chi cho giáo dục và đào tạo như hiện nay (tùy tình hình thực tế có thể tăng nhưng không nhiều). Cho phép ngành giáo dục và đào tạo thành phố điều tiết không cấp hoặc cấp theo một tỷ lệ nhất định cho các trường tự chủ 100%, các trường tự chủ một phần. Phần kinh phí từ các trường này sẽ cân đối, chuyển cho các trường ở ngoại thành, vùng ven hoặc các đơn vị còn yếu để tổ chức tốt hơn các hoạt động giảng dạy và học tập không thu phí của học sinh diện khó khăn, diện con công nhân, người lao động nghèo...

9. Triển khai thực hiện các kế hoạch (đính kèm đề án)

9.1. Xây dựng mô hình trường mầm non, tiểu học, trung học theo mô hình xã hội hóa;

9.2. Xã hội hóa trong công tác giáo dục thẩm mỹ, giáo dục các kỹ năng thực hành xã hội.

9.3. Xã hội hóa hoạt động thể thao học đường.

9.4. Xã hội hóa nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh và Tin học theo chuẩn quốc tế cho học sinh phổ thông.

9.5. Xã hội hóa hoạt động hướng nghiệp, giáo dục khởi nghiệp cho học sinh.

9.6. Giải pháp xã hội hóa nhằm tăng cường các thiết chế phục vụ giáo dục toàn diện: hồ bơi, sân bóng đá, nhà thi đấu, thư viện thông minh...

9.7. Xã hội hóa nhằm tăng cường các trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập.

9.8. Xã hội hóa hoạt động đưa đón học sinh bằng xe buýt học đường.

9.9. Kế hoạch xây dựng trường tự chủ toàn phần.

9.10. Kế hoạch phát triển các trường ngoài công lập.

9.11. Kế hoạch triển khai thẻ học đường thông minh bằng hình thức xã hội hóa

Phần thứ tư

Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì cùng với các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; chăm lo các điều kiện để thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học các cấp học, ngành học; nâng cao chất lượng giáo dục; nghiên cứu đề xuất các chính sách phát triển giáo dục đào tạo; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về xã hội hoá giáo dục; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giáo dục đào tạo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư (cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài) trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; ưu tiên cấp vốn và hoàn thiện quá trình xét duyệt, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kế hoạch đầu tư 12.785 phòng học công lập đến năm 2020; trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan cân đối nguồn, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí vốn đầu tư công cho các dự án đầu tư lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kêu gọi đầu tư (trong và ngoài nước) đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

3. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo có đủ điều kiện được đẩy mạnh hoạt động theo cơ chế tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn, hạch toán như doanh nghiệp. Khuyến khích liên kết hợp tác trên cơ sở bảo toàn tài sản và mục đích cung cấp dịch vụ công (theo Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập).

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng lộ trình giá thu học phí và các khoản thu khác phù hợp với tình hình địa bàn quận huyện, trong đó từng bước xóa bỏ bao cấp qua giá, phí cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo phù hợp với khả năng ngân sách và khả năng chi trả của người dân nhằm tạo thuận lợi trong việc thay đổi cơ bản công tác phân bổ ngân sách giáo dục đào tạo trên địa bàn đối với các quận, huyện có điều kiện thực hiện và điều tiết cho các địa bàn khó khăn.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố các chính sách ưu đãi cơ sở vật chất, tài sản, về đất đai, thuế và lệ phí, huy động vốn đầu tư, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên.....cho các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện xã hội hoá.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đối với các cơ sở giáo dục công lập trong quá trình chuyển đổi loại hình.

Giao Ban Đổi mới quản lý Doanh nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Nội Vụ, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các Quận huyện xây dựng tiêu chí và lộ trình để thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thành đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo tự đảm bảo chi thường xuyên. Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có điều kiện theo hướng cổ phần hóa theo Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ưu tiên cấp đất, bố trí quy hoạch xây dựng, thẩm định kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện xã hội hoá. Đặc biệt phối hợp, đề xuất thành phố cơ chế ưu tiên giao đất cho các đơn vị giáo dục hoạt động theo hình thức phi lợi nhuận.

6. Cục Thuế

Thực hiện chính sách ưu đãi thuế sử dụng đất, thuê đất, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài..... cho các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện xã hội hoá theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Thành phố cơ chế về chính sách thuế đặc thù cho thành phố Hồ Chí Minh.

7. Sở Thông tin truyền thông

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai kênh thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách về xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Chỉ đạo các cơ quan báo, đài trong công tác tuyên truyền về xã hội hóa giáo dục.

8. Các Sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong Đề án xã hội hóa giáo dục.

9. Ủy ban nhân dân quận, huyện

Xây dựng chương trình kế hoạch để thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục.

Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện xã hội hóa giáo dục phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà

nước, với thẩm quyền và điều kiện của địa phương; tìm mọi biện pháp huy động các nguồn lực tại địa phương đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ khuyến khích xã hội hóa giáo dục, kịp thời chấn chỉnh những lệch lạc, tiêu cực, xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm. Định kỳ tổng kết rút kinh nghiệm, kịp thời đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo, với Thành phố về các cơ chế chính sách cần được điều chỉnh hoặc bổ sung, các giải pháp, các mô hình xã hội hóa giáo dục tốt cần được nhân rộng.

10. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chỉ đạo các tổ chức trực thuộc phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng chương trình hành động tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh

11. Các cơ quan thông tấn, báo, đài Thành phố

Thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách về xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT. Thành ủy;
- TT.HĐNDTP;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Ban VHXX- HĐND thành phố;
- UBMTTQVN TP và các đoàn thể;
- Các sở, ban ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Lưu.

CHỦ TỊCH